

Bản án số: 103 /2023/HS-ST

Ngày: 01/8/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Phương Thúy;

2. Ông Huỳnh Công Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 110/2023/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Minh H, sinh năm: 1980, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 68/10 đường T, Tổ G, Khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 68/10 đường T, Tổ G, Khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; con ông: không rõ và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có vợ và 01 con; tiền án: ngày 22/11/2018 bị Tòa án nhân dân Quận 7 xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số: 151/2018/HSST; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 23/01/1997 bị Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản của công dân” theo Bản án số 08/HSST; Ngày 07/4/1998 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo bản án số 550/HSST; Ngày 31/8/2000 bị Tòa án nhân dân Quận 7 xử phạt 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo bản án số 85/HSST; Ngày 20/4/2006 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2006/HSST ngày 17/01/2006 của Tòa án nhân dân Quận 7 xử phạt 04 năm

06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 199/2006/HSPT; Ngày 27/9/2013 bị Ủy ban nhân dân Quận G áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh tại Trung tâm tiếp nhận đối tượng xã hội Bình Triệu theo quyết định số 207/QĐ-UBND; Bị bắt tạm giam từ ngày 23/12/2022 – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Lê Thanh C, sinh năm: 1994; địa chỉ thường trú: ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Thanh M, sinh năm: 1966; địa chỉ thường trú: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ 30 phút ngày 21/08/2022, Nguyễn Minh H đi bộ quanh đường T, phường T, Quận G để tập thể dục. Khi đến trước nhà số F T, Khu phố D, phường T, Quận G thì H thấy trong sân nhà có 1 xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 60B6-677.78 của ông Lê Thanh C nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp. H đột nhập vào sân nhà dùng tay nạy yên xe mô tô và thò tay vào yên xe lấy 01 cái kính đeo mắt và 01 cái áo thun dài tay rồi đi ra ngoài, H thấy tài sản không có giá trị nên vứt bỏ ngay hẻm . Sau đó, H quay lại vào sân nhà lấy trộm xe Honda Airblade màu đỏ đen trắng, biển số 60B6-677.78 của ông C nên dẫn ra ngoài bứt dây điện khởi động xe tẩu thoát qua Quận H tiêu thụ.

Sau khi bị mất trộm tài sản, bị hại đến Công an trình báo. Qua truy xét Cơ quan cảnh sát điều tra xác định H đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị bắt giữ xử lý. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, H đã khai nhận hành vi phạm tội và khai nhận: Sau khi lấy trộm được xe, có nhờ Bình Đen P và Dương Thanh T1 (chưa rõ lai lịch) đưa đi tiêu thụ và bán xe cho 2 thanh niên (chưa rõ lai lịch).

Qua làm việc với Nguyễn Thanh B, B khai không biết H lấy trộm xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 60B6-677.78 và cũng không có biết việc H tìm chỗ bán xe, không có giới thiệu cho H bán xe.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, đối tượng Nguyễn Minh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo kết luận định giá tài sản số: 352/KL-HĐĐGTTHS ngày 04/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận G, kết luận: 01 (Một) xe máy mô tô hiệu Honda Airblade biển số 60B6-677.78, đăng ký lần đầu tháng 01/2020, có giá trị là 36.000.000 đồng.

Về dân sự: Bà Trần Thị Đ là vợ của bị can đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 22.000.000 đồng là giá trị xe bị mất. Ông C đã nhận đủ tiền, không yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại.

Bản cáo trạng số: 97/CT-VKSQ7 ngày 06/06/2023 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52 và điểm b, s khoản 1 Điều 51; Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại:

Bị cáo đã tác động bà Trần Thị Đ là vợ của bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 22.000.000 đồng. Ông C đã nhận đủ tiền, không yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại cho bị cáo.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Ngày 21/08/2022, tại địa chỉ nhà số F T, Khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo Nguyễn Minh H đã thực hiện hành vi lên lút chiếm đoạt tài sản là 01 xe máy mô tô hiệu Honda Airblade biển số 60B6-677.78 của ông Lê Thanh C.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số: 352/KL-HĐĐGTTTHS ngày 04/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận G, kết luận: 01 (Một) xe máy mô tô hiệu Honda Airblade biển số 60B6-677.78, đăng ký lần đầu tháng 01/2020, có giá trị là 36.000.000 đồng

Do vậy, hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện do cố ý, xuất phát từ động cơ vụ lợi cá nhân, để có tiền tiêu xài, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Bị cáo vẫn còn sức khỏe, khả năng lao động và nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động nên đã thực hiện hành vi phạm tội để có tiền tiêu xài. Do đó cần phải có mức án tương xứng thì mới đủ răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Ngày 22/11/2018 bị Tòa án nhân dân Quận 7 xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số: 151/2018/HSST, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý. Do vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu: nhân thân: Ngày 23/01/1997 bị Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản của công dân” theo Bản án số 08/HSST; Ngày 07/4/1998 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo bản án số 550/HSST; Ngày 31/8/2000 bị Tòa án nhân dân Quận 7 xử phạt 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo bản án số 85/HSST; Ngày 20/4/2006 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2006/HSST ngày 17/01/2006 của Tòa án nhân dân Quận 7 xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 199/2006/HSPT; Ngày 27/9/2013 bị Ủy

ban nhân dân Quận G áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh tại Trung tâm tiếp nhận đối tượng xã hội Bình Triệu theo quyết định số 207/QĐ-UBND.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động gia đình thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho người bị hại nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông Lê Thanh C đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 22.000.000 triệu đồng, ông C xác định không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh M không yêu cầu gì nên không xem xét.

[5] Xử lý vật chứng:

- Số tiền 300.000 đồng và 100 USD là tiền H bán xe trộm cắp mà có. Bị hại và gia đình bị cáo đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại là số tiền 22.000.000 (hai hai triệu) đồng; Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Xét, số tiền trên là do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 quần lửng màu vàng nhạt và 01 đôi dép quai màu đen bị cáo sử dụng để đi thực hiện hành vi tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Minh H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2022.

2. Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và 100 USD.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cái quần lửng màu vàng nhạt, loại có dây rút, hai bên quần có sọc màu đen – đỏ; 01 cái đôi dép quai màu đen.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 90 ngày 05/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7; Giấy nộp tiền ngày 08/5/2023 tại ngân hàng A1; Chứng nhận nộp tiền ngày 11/5/2023 tại ngân hàng V).

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu số án, VT, hồ sơ (TK. Văn Anh).

Đào Lê Anh